

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày: 10-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Ông Vũ Huy Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số: 826/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1027/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Trung H, sinh năm: 1986

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh K, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông Huỳnh Minh K có mặt, bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, các lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Trung H có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh K trình bày:

Nguyên ông Huỳnh Trung H thông qua người bạn tên Đỗ Thị Ngọc Msinh năm 1989, bà M giới thiệu có bạn rất thân tên Nguyễn Thị Kim T đang làm trong ngành in ấn, bà T có xưởng sản xuất giấy tại quận 12 đang cần tiền để nhập hàng phục vụ cho việc sản xuất nên đề nghị ông Huỳnh Trung H giúp đỡ cho bà T vay một số tiền để bổ sung vốn kinh doanh, trong vòng 6 tháng sẽ trả lại. Ngoài ra, bà M còn giới thiệu bà Nguyễn Thị Kim T là người làm ăn uy tín, đáng hoàng nên thuyết phục ông Huỳnh Trung H an tâm. Vì là chỗ quen biết và tin tưởng bà M nên ông H đã đồng ý cho bà T vay.

Do đó, vào ngày 20/07/2019 bà Đỗ Thị Ngọc M dẫn bà Nguyễn Thị Kim T qua nhà ông Huỳnh Trung H xin vay với số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với mục đích bổ sung vốn kinh doanh (nhập hàng để sản xuất), thời hạn vay là 06 tháng, hạn chót trả nợ gốc là 20/01/2020, lãi suất thoả thuận là 1,6%/tháng.

Ngay sau khi ký Hợp đồng vay tiền thì ông Huỳnh Trung H có giao cho bà T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền mặt và chuyển khoảng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào số tài khoản của bà T :1903.09227.23017 tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hồng Lạc, bà T đã xác nhận nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng nên đã ký vào biên nhận giao nhận tiền vào ngày 20/07/2019.

Sau khi vay tiền thì bà T có trả lãi theo đúng thoả thuận, đến thời hạn trả nợ gốc thì bà T chưa có tiền để trả nên xin gia hạn cho đóng lãi, tuy nhiên bà T đóng lãi không đều, lần cuối cùng bà T chuyển tiền lãi cho ông H là vào 31/3/2023 số tiền: 3.000.000 đồng và ngày 30/5/2023 số tiền là: 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Sau thời gian vay, bà T đề nghị được trừ vào số tiền gốc cho những lần thanh toán lãi, để chia sẻ những khó khăn nên ông H đồng ý cho bà trừ vào tiền gốc với điều kiện bà T phải có phương án trả nợ cụ thể, trong đó ông H yêu cầu phải trả trong khoảng thời gian là 06 tháng, mỗi tháng phải trả tối thiểu là từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, bà T đã không thực hiện theo đúng thoả thuận.

Thời gian ông H cho bà T vay đã gần 05 năm, mặc dù ông H cũng đang rất khó khăn, mong muốn thu hồi số nợ để giải quyết việc gia đình, nên mong muốn hai bên ngồi lại để đối cH số tiền (lãi, gốc nếu có) đã đóng/chuyển khoản, xác nhận phương án trả nợ nhưng bà T đã trốn tránh và chặn mọi liên lạc của ông H,

kể cả số điện thoại mà bà T sử dụng trước đây được ghi nhận trong hợp đồng vay tiền bà T cũng không còn sử dụng nữa.

Vì bà T không trả nợ theo thoả thuận nên buộc lòng ông H phải khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Toà án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T hoàn trả lại cho ông Huỳnh Trung H toàn bộ số tiền gốc là: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Minh K trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T hoàn trả lại cho ông Huỳnh Trung H toàn bộ số tiền gốc là: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt không lý không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trung H. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho ông Huỳnh Trung H số nợ gốc là 250.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bà T trả tiền lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Trung H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Bà Nguyễn Thị Kim T. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh xác định “*Đương sự Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990 có thực tế sinh*

sống tại: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh”. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Minh K có mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà Nguyễn Thị Kim T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn nhưng bà T không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, bà T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Trung H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Căn cứ “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 20/7/2019 và “Biên bản giao nhận tiền” ngày 20/7/2019 giữa ông Huỳnh Trung H và bà Nguyễn Thị Kim T thể hiện ông H có cho bà T vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 20/7/2019, hạn chót trả số tiền nợ là ngày 20/01/2020.

[4.2.2] Xét thấy, khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi; việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 20/7/2019 và

“Biên bản giao nhận tiền” ngày 20/7/2019 có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nguyên đơn và bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối với chứng cứ này. Nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 20/7/2019 và “Biên bản giao nhận tiền” ngày 20/7/2019. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 20/7/2019 và “Biên bản giao nhận tiền” ngày 20/7/2019 là có thật và được cả hai bên thừa nhận.

[4.2.3] Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng ...”*.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..”*

Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn, bị đơn là bên có lỗi. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trung H về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4.3]. Xét thấy nguyên đơn ông Huỳnh Trung H tự nguyện không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả tiền lãi đối với khoản vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Trung H số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng; nguyên đơn ông Huỳnh Trung H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 6.250.000 đồng đã đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P số: 0010061 ngày 21/6/2024

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trung H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Trung H số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn lại cho ông Huỳnh Trung H số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P số: 0010061 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công Ki theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Toàn